

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 40

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 0301472704 do Sở Kế hoạch Đầu tư (SKHĐT) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 8 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Công ty chuyển địa chỉ trụ sở chính từ 236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam đến Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam theo GCNĐKKD số 0301472704 đăng ký thay đổi lần thứ 15 do SKHĐT tỉnh Long An cấp ngày 20 tháng 12 năm 2017. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 22, được cấp ngày 19 tháng 10 năm 2022.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) theo Giấy phép số 244/2010/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 11 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là thực hiện các hoạt động đầu tư tài chính và các dịch vụ liên quan khác.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có chi nhánh tại Tầng 15, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch	
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên	
Ông Phạm Viêt Muôn	Thành viên	
Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên	
Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên	
Ông Bùi Xuân Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2022
Ông Đặng Kim Sơn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2022
Ông Michael Sng Beng Hock	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 1 năm 2022
Ông Manabu Ueda	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 1 năm 2022

TIỂU BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Tiểu ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Viêt Muôn	Trưởng ban
Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên
Ông Đặng Kim Sơn	Thành viên

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Trà My.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Duy Hưng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Bà Nguyễn Thị Trà My được Ông Nguyễn Duy Hưng ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 theo Giấy Ủy quyền số A01-05/2018/UQ-PAN ngày 10 tháng 5 năm 2018.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đề ngày 29 tháng 3 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.



Nguyễn Thị Trà My
Tổng Giám đốc

Long An, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2023

Số tham chiếu: 11658248/22965343

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (“Công ty”) được lập ngày 29 tháng 3 năm 2023 và được trình bày từ trang 6 đến trang 40, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Phú Sơn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0637-2023-004-1



Nguyễn Hoàng Linh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3835-2021-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.928.908.108.403	3.707.223.740.404
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	236.975.923.151	526.670.756.792
111	1. Tiền		61.548.040.583	1.670.758.599
112	2. Các khoản tương đương tiền		175.427.882.568	524.999.998.193
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		2.200.000.009.636	2.895.370.776.438
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5	2.200.000.009.636	2.895.370.776.438
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		487.856.001.571	284.143.515.428
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	17.740.807.833	17.884.114.271
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	316.547.492	402.518.644
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	481.300.000.000	256.354.718.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	6.239.454.079	27.386.278.784
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(17.740.807.833)	(17.884.114.271)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		4.076.174.045	1.038.691.746
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		547.044.002	715.938.179
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		290.093.991	293.633.992
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	13	3.239.036.052	29.119.575
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.582.773.606.347	3.572.005.890.515
210	I. Phải thu dài hạn		89.200.000	89.200.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		89.200.000	89.200.000
220	II. Tài sản cố định		9.798.331.216	11.372.057.177
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	9.798.331.216	11.372.057.177
222	Nguyên giá		26.359.896.097	26.359.896.097
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(16.561.564.881)	(14.987.838.920)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	11	4.572.841.532.264	3.560.020.236.664
251	1. Đầu tư vào công ty con		4.601.330.644.264	3.586.545.181.572
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(28.489.112.000)	(26.524.944.908)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		44.542.867	524.396.674
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		44.542.867	524.396.674
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		7.511.681.714.750	7.279.229.630.919

001
RN
C
14

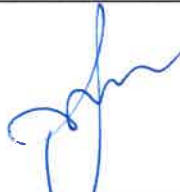
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4.536.010.939.323	4.322.460.694.299
310	I. Nợ ngắn hạn		4.536.010.939.323	3.199.817.822.053
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	2.444.224.730	1.093.998.141
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		208.308.899	208.308.899
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	531.618.347	6.645.395.922
314	4. Phải trả người lao động		7.263.687	10.263.687
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	29.926.513.619	27.216.564.022
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	33.273.340.483	5.454.091.891
320	7. Vay ngắn hạn	17	4.453.364.643.860	3.142.940.000.000
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		9.769.755.760	9.769.755.760
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16	6.485.269.938	6.479.443.731
330	II. Nợ dài hạn	17	-	1.122.642.872.246
338	1. Vay dài hạn		-	1.122.642.872.246
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.975.670.775.427	2.956.768.936.620
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	2.975.670.775.427	2.956.768.936.620
411	1. Vốn cổ phần		2.163.585.800.000	2.163.585.800.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.163.585.800.000	2.163.585.800.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		904.770.143.351	904.770.143.351
415	3. Cổ phiếu quỹ		(167.828.836.328)	(167.828.836.328)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		11.513.798.268	11.513.798.268
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		63.629.870.136	44.728.031.329
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		37.728.031.329	10.447.460.761
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		25.901.838.807	34.280.570.568
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		7.511.681.714.750	7.279.229.630.919



Trần Thị Trang
Người lập biểu



Văn Thị Ngọc Ánh
Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Trà My
Tổng Giám đốc

Long An, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
21	1. Doanh thu hoạt động tài chính	19	289.094.215.423	277.948.924.508
22 23	2. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu</i>	20	(222.575.067.987) (213.156.138.737)	(197.508.341.770) (163.785.982.572)
26	3. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(40.644.397.146)	(37.771.338.289)
30	4. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		25.874.750.290	42.669.244.449
31	5. Thu nhập khác		27.088.517	1.170.208
32	6. Chi phí khác		-	-
40	7. Lợi nhuận khác		27.088.517	1.170.208
50	8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		25.901.838.807	42.670.414.657
51	9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22.1	-	(8.389.844.089)
52	10. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	11. Lợi nhuận sau thuế TNDN		25.901.838.807	34.280.570.568



Trần Thị Trang
Người lập biểu



Văn Thị Ngọc Ánh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Trà My
Tổng Giám đốc



Long An, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		25.901.838.807	42.670.414.657
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao	10	1.573.725.961	1.573.725.961
03	Dự phòng		1.820.860.654	30.631.369.115
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		5.721.080.852	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(288.775.178.654)	(277.948.924.508)
06	Chi phí lãi vay	20	213.156.138.737	163.785.982.572
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(40.601.533.643)	(39.287.432.203)
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(1.947.496.205)	7.123.587.598
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		2.144.872.127	(1.952.297.262)
12	Giảm chi phí trả trước		648.747.984	504.940.624
13	Giảm/(tăng) chứng khoán kinh doanh		695.370.766.802	(2.744.575.776.438)
14	Tiền lãi vay đã trả		(161.919.217.879)	(141.142.547.944)
15	Thuế TNDN đã nộp		(9.222.374.368)	(969.185.849)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.994.173.793)	(2.678.823.350)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		479.479.591.025	(2.922.977.534.824)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(530.200.000.000)	(58.800.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		305.254.718.000	723.640.000.000
25	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		(1.027.892.649.543)	(999.260.981.500)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	270.000.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		322.318.624.297	190.251.296.603
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(930.519.307.246)	125.830.315.103
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		5.161.345.000.000	6.808.185.000.000
34	Tiền trả nợ gốc vay		(5.000.000.000.000)	(4.490.000.000.000)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(104.422.468.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		161.345.000.000	2.213.762.531.500

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(289.694.716.221)	(583.384.688.221)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		526.670.756.792	1.110.055.445.013
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(117.420)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	236.975.923.151	526.670.756.792



Trần Thị Trang
Người lập biểu



Văn Thị Ngọc Ánh
Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Trà My
Tổng Giám đốc

Long An, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 0301472704 do Sở Kế hoạch Đầu tư (SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 8 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Công ty chuyển địa chỉ trụ sở chính từ 236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam đến Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam theo GCNĐKKD số 0301472704 đăng ký thay đổi lần thứ 15 do SKHĐT tỉnh Long An cấp ngày 20 tháng 12 năm 2017. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 22, được cấp ngày 19 tháng 10 năm 2022.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) theo Giấy phép số 244/2010/QĐ-SGDCKHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 11 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là thực hiện các hoạt động đầu tư tài chính và các dịch vụ liên quan khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có chi nhánh tại Tầng 15, Tòa nhà ICON4, 243A Đề La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 18 (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 18).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 8 công ty con sở hữu trực tiếp và 20 công ty con sở hữu gián tiếp (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 8 công ty con sở hữu trực tiếp và 20 công ty con sở hữu gián tiếp) được trình bày như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh
Các công ty con sở hữu trực tiếp					
1	Công ty Cổ phần Pan Farm (“Công ty PAN Farm”)	81,91	81,91	Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam	Thực hiện trồng trọt và chăn nuôi hỗn hợp
2	Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN (“Công ty PAN Food”)	99,99	99,99	Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam	Nuôi trồng, chế biến và kinh doanh nông lâm thủy hải sản; kinh doanh thực phẩm và các hoạt động tư vấn đầu tư
3	Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (“Công ty FMC”) (*)	50,12	47,21	Thị xã Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam	Nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế và sản xuất, xuất khẩu tiêu thụ hàng nông sản
4	Công ty Cổ phần Bibica (“Công ty BBC”)	98,30	98,30	Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất, mua bán các sản phẩm đường, bánh kẹo, nha, rượu (thức uống có cồn), bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm từ sữa, sữa đậu nành, nước giải khát, bột giải khát (không sản xuất tại trụ sở Công ty) và kinh doanh bất động sản

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh
Các công ty con sở hữu trực tiếp (tiếp theo)					
5	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre ("Công ty ABT")	76,48	76,48	Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam	Nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu thủy sản; chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản
6	Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An ("Công ty LAF")	80,52	80,52	Thành phố Tân An, Tỉnh Long An, Việt Nam	Gia công, sản xuất, chế biến và kinh doanh hàng nông sản; và dịch vụ cho thuê kho bãi
7	Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang ("Công ty 584NT")	73,45	73,45	584 Đường Lê Hồng Phong, Phường Phước Long, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	Kiểm nghiệm chất lượng chế biến bảo quản thủy sản, và các sản phẩm từ thủy sản
8	Công ty Cổ phần Cà phê Golden Beans ("Công ty Golden Beans")	79,59	79,59	497/23 Sư Vạn Hạnh, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bán buôn thực phẩm, nông lâm sản, và trồng cây cà phê
Các công ty con sở hữu gián tiếp qua Công ty PAN Farm					
1	Công ty Cổ phần PAN-HULIC ("Công ty PHJSC")	50,97	41,76	Huyện Lâm Hà, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh rau, hoa quả và các sản phẩm nông nghiệp khác
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam ("Công ty Vinaseed")	80,04	65,57	Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam	Nghiên cứu, chọn tạo, sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu các loại giống cây trồng nông, lâm nghiệp; sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại nông sản và vật tư nông nghiệp
3	Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam ("Công ty VFG")	51,25	41,98	Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất, chế biến và kinh doanh các sản phẩm từ thuốc khử trùng và các dịch vụ liên quan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh
-----	-------------	----------------------------	-------------------------	---------	-----------------------

Các công ty sở hữu gián tiếp qua Công ty Vinaseed

1	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây ("Công ty HSC")	53,80	35,28	Quận Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh các loại giống cây trồng và cung cấp dịch vụ kho vận
2	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam ("Công ty SSC")	96,41	63,22	Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, và xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại
3	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	90,02	59,03	Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ trồng trọt, bán buôn nông, lâm sản, nguyên vật liệu và động vật sống, chế biến nông lâm sản, mua bán vật tư nông nghiệp
4	Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam	83,74	52,93	Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất máy nông nghiệp, lâm nghiệp; máy chế biến thực phẩm; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị
5	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam	94,00	61,63	Huyện Lý Nhân, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh các loại dưa và rau quả nông sản cao cấp phục vụ nội tiêu và xuất khẩu; nghiên cứu ứng dụng, đào tạo, chuyên giao dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp công nghệ cao
6	Công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam (Công ty Vinarice)	100	64,86	Huyện Thập Mươi, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Sản xuất kinh doanh hạt giống và nông sản

Công ty sở hữu gián tiếp qua Công ty FMC

1	Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An ("Công ty KAC")	80,11	52,90	Huyện An Thành, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam	Nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế và sản xuất, xuất khẩu tiêu thụ hàng nông sản
2	Công ty TNHH Vĩnh Thuận	100	47,21	Thị Xã Vĩnh Châu, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam	Nuôi trồng thủy sản

Các công ty sở hữu gián tiếp qua Công ty ABT

1	Công ty TNHH Thủy sản Công nghệ cao Aquatex Bentre ("Công ty ABT High-Tech")	100	76,47	Ấp 9 (thửa đất số 113, tờ bản đồ số 09), Xã Tân Thạch, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam	Nuôi trồng thủy sản nội địa; nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp; và hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác
---	--	-----	-------	---	---

Các công ty sở hữu gián tiếp qua Công ty 584NT

1	Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Cà Ná	99,80	73,29	Cảng cá Cà Ná mở rộng, Xã Cà Ná, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản
---	------------------------------------	-------	-------	---	---

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh
Các công ty sở hữu gián tiếp qua Công ty BBC					
1	Công ty TNHH Một thành viên Bibica Miền Đông	100	98,30	Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh đường, bánh kẹo, chiết xuất bã, rượu, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm sữa và nước giải khát
2	Công ty TNHH Bibica Miền Bắc	100	98,30	Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh đường, bánh kẹo, chiết xuất bã, rượu, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm sữa và nước giải khát
3	Công ty TNHH Một thành viên Bibica Hà Nội	100	98,30	Quận Long Biên, Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh đường, bánh kẹo, chiết xuất bã, rượu, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm sữa và nước giải khát
4	Công ty TNHH Một thành viên Bibica Biên Hòa	100	98,30	Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh đường, bánh kẹo, chiết xuất bã, rượu, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm sữa và nước giải khát
5	Công ty TNHH Một thành viên Bibica Miền Tây	100	98,30	Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh đường, bánh kẹo, chiết xuất bã, rượu, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm sữa và nước giải khát
6	Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm PAN ("Công ty PAN FM")	100	98,30	Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam	Thực hiện các hoạt động nông nghiệp, thực phẩm và các hoạt động khác
7	Công ty TNHH Phân phối Hàng tiêu dùng PAN ("Công ty PAN CG")	100	98,30	Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam	Bán buôn thực phẩm

(*) Tỷ lệ biểu quyết của Công ty trong Công ty FMC bao gồm tỷ lệ biểu quyết trực tiếp 37,75% như được trình bày tại Thuyết minh số 11 và tỷ lệ biểu quyết gián tiếp 12,37% thông qua Công ty ABT.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 11. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 để ngày 29 tháng 3 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng Việt Nam đồng ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 *Khấu hao*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Tài sản khác	3 - 8 năm

3.5 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Trong trường hợp nguồn lợi nhuận lũy kế dùng để phân phối không được quy định cụ thể, Công ty ưu tiên sử dụng lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát để phân phối. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.7 *Thuê tài sản*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của hợp đồng thuê.

3.8 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.9 *Các khoản dự phòng*

Dự phòng chung

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.10 *Cổ phiếu quỹ*

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.11 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Thu nhập tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng các khoản đầu tư và chứng khoán kinh doanh

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng các khoản đầu tư và chứng khoán kinh doanh được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn cổ phần. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

3.13 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động đầu tư tài chính và các dịch vụ liên quan khác. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	135.948.000	327.178.500
Tiền gửi ngân hàng	61.412.092.583	1.343.580.099
Các khoản tương đương tiền (<i>Thuyết minh số 23</i>)	<u>175.427.882.568</u>	<u>524.999.998.193</u>
TỔNG CỘNG	<u>236.975.923.151</u>	<u>526.670.756.792</u>

5. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>					
	<i>Số cuối năm</i>			<i>Số đầu năm</i>		
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>
Chứng chỉ tiền gửi (**)	2.200.000.009.636	-	(*) 2.802.579.244.438	-	-	(*)
Trái phiếu	-	-	92.791.532.000	-	-	(*)
TỔNG CỘNG	<u>2.200.000.009.636</u>	<u>-</u>	<u>2.895.370.776.438</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên do các khoản đầu tư này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm.

(**) Các khoản đầu tư vào chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới một năm tại một ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất 8,9%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 4,98%/năm đến 5,08%/năm). Như được trình bày ở Thuyết minh số 17.1, các chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng thương mại trên được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Dịch vụ Phúc Bảo Minh	17.740.807.833	17.884.114.271
TỔNG CỘNG	17.740.807.833	17.884.114.271
Dự phòng giảm giá phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi	(17.740.807.833)	(17.884.114.271)
GIÁ TRỊ THUẦN	-	-

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	17.884.114.271	23.547.445.824
Hoàn nhập dự phòng	(143.306.438)	(5.663.331.553)
Số cuối năm	17.740.807.833	17.884.114.271

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Trả trước cho các bên khác	316.547.492	402.518.644
TỔNG CỘNG	316.547.492	402.518.644

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 23</i>)	25.000.000.000	153.000.000.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên khác (*)	456.300.000.000	103.354.718.000
TỔNG CỘNG	481.300.000.000	256.354.718.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)

(*) Chi tiết các khoản cho các bên khác vay như sau:

Bên vay	Số cuối năm	Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)	Đơn vị tính: VND
				Tài sản đảm bảo
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tài chính UT	130.000.000.000	Ngày 27 tháng 1 năm 2023	8%	Tín chấp
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tài chính UT	137.000.000.000	Ngày 3 tháng 1 năm 2023	8%	Tín chấp
Công ty Cổ phần Pallas	150.000.000.000	Ngày 27 tháng 1 năm 2023	8%	Tín chấp
Công ty Cổ phần Agon	39.300.000.000	Ngày 24 tháng 2 năm 2023	8%	Tín chấp
TỔNG CỘNG	456.300.000.000			

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi dự thu từ cho vay	3.372.997.261	13.489.254.852
Lãi dự thu từ chứng chỉ tiền gửi	1.550.727.944	12.629.509.645
Tạm ứng nhân viên	866.060.930	281.014.621
Ký quỹ	390.504.666	590.504.666
Khác	59.163.278	395.995.000
TỔNG CỘNG	6.239.454.079	27.386.278.784
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 23)</i>	<i>328.732.045</i>	<i>8.178.791.370</i>
<i>Phải thu từ các bên khác</i>	<i>5.910.722.034</i>	<i>19.207.487.414</i>

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	13.778.633.885	11.514.060.062	874.811.650	192.390.500	26.359.896.097
Số cuối năm	13.778.633.885	11.514.060.062	874.811.650	192.390.500	26.359.896.097
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	4.511.889.599	644.151.180	408.582.150	-	5.564.622.929
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	(9.191.714.620)	(5.050.406.733)	(674.060.899)	(71.656.668)	(14.987.838.920)
Khấu hao trong năm	(371.912.376)	(1.079.494.368)	(83.841.120)	(38.478.097)	(1.573.725.961)
Số cuối năm	(9.563.626.996)	(6.129.901.101)	(757.902.019)	(110.134.765)	(16.561.564.881)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	4.586.919.265	6.463.653.329	200.750.751	120.733.832	11.372.057.177
Số cuối năm	4.215.006.889	5.384.158.961	116.909.631	82.255.735	9.798.331.216

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

STT	Công ty	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
		Giá trị đầu tư VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	
1	Công ty BBC (i) (ii)	1.226.235.664.543	-	991.784.815.600	-	-
2	Công ty PAN Food	999.900.000.000	-	(iv)	-	(iv)
3	Công ty PAN Farm	999.900.000.000	-	(iv)	-	(iv)
4	Công ty FMC	671.414.451.072	-	794.846.631.600	-	1.283.603.256.000
5	Công ty ABT (iii)	232.298.227.704	-	312.509.206.300	-	321.515.235.300
6	Công ty LAF	166.227.626.000	-	181.440.267.300	-	290.541.604.500
7	Công ty 584NT (iii)	145.154.674.945	-	(iv)	-	(iv)
8	Công ty KAC	100.000.000.000	-	(iv)	-	(iv)
9	Công ty Golden Beans	60.200.000.000 (28.489.112.000)	-	(iv)	60.200.000.000 (26.524.944.908)	(iv)
10	Công ty PAN CG (i)	-	-	-	199.980.000.000	(iv)
TỔNG CỘNG		4.601.330.644.264 (28.489.112.000)		3.586.545.181.572 (26.524.944.908)		

- (i) Trong tháng 1 năm 2022, Công ty đã thực hiện hoán đổi thành công 19.998.000 cổ phiếu của công ty PAN CG để lấy 3.331.573 cổ phiếu của công ty BBC, qua đó nâng tỷ lệ nắm giữ vốn thực tiếp lên 17,77% cổ phần của công ty BBC như được trình bày tại Thuyết minh số 22. Cũng trong tháng 1 năm 2022, Công ty đã hoán tất việc nhận chuyển nhượng 7.720.577 cổ phiếu của công ty BBC từ Công ty PAN Food với tổng giá phí là 501.837.505.000 VND. Sau đó, Công ty đã tiến hành chào mua công khai của phiếu BBC và hoàn tất việc mua thêm 7.382.512 cổ phiếu của công ty BBC trong tháng 5 năm 2022. Sau các giao dịch này, tỷ lệ nắm giữ vốn thực tiếp của Công ty tại BBC tăng lên 98,30%.
- (ii) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế của Công ty BBC tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022 theo báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày vào khoảng 191 tỷ. Vì vậy, Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng khoản đầu tư này không có khả năng bị suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- (iii) Khoản điều chỉnh giảm giá trị đầu tư vào các công ty con này tương ứng với phần cổ tức được chia trong năm từ nguồn lợi nhuận thuộc giai đoạn trước đầu tư.
- (iv) Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết và thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại công ty này do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả cho người bán	1.108.196.730	1.108.196.730	886.098.141	886.098.141
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 23)	1.336.028.000	1.336.028.000	207.900.000	207.900.000
TỔNG CỘNG	2.444.224.730	2.444.224.730	1.093.998.141	1.093.998.141

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải thu trong năm</i>	<i>Số đã thu/ cần trừ trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
	Phải thu			
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.239.036.052	-	3.239.036.052
Khác	29.119.575	-	(29.119.575)	-
TỔNG CỘNG	29.119.575	3.239.036.052	(29.119.575)	3.239.036.052
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.983.338.316	-	(5.983.338.316)	-
Thuế thu nhập cá nhân	658.517.606	3.622.887.959	(3.935.898.183)	345.507.382
Thuế giá trị gia tăng	3.540.000	208.565.143	(212.105.143)	-
Khác	-	586.971.468	(400.860.503)	186.110.965
TỔNG CỘNG	6.645.395.922	4.418.424.570	(10.532.202.145)	531.618.347

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Lãi trái phiếu	23.682.630.138	23.682.630.138
Lãi vay	4.146.383.481	1.292.054.794
Khác	2.097.500.000	2.241.879.090
TỔNG CỘNG	29.926.513.619	27.216.564.022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Bảo hiểm và kinh phí công đoàn	92.780.076	92.780.076
Phải trả khác	4.193.228.896	3.723.689.896
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 23)	<u>28.987.331.511</u>	<u>1.637.621.919</u>
TỔNG CỘNG	<u>33.273.340.483</u>	<u>5.454.091.891</u>

16. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	6.479.443.731	6.928.267.081
Trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	5.000.000.000	2.230.000.000
Sử dụng trong năm	<u>(4.994.173.793)</u>	<u>(2.678.823.350)</u>
Số cuối năm	<u>6.485.269.938</u>	<u>6.479.443.731</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá hối đoái	Đơn vị tính: VND Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Vay ngắn hạn	3.142.940.000.000	8.943.987.872.246	(7.639.603.228.386)	6.040.000.000	4.453.364.643.860
Vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số 17.1)	2.970.000.000.000	5.686.200.000.000	(6.210.000.000.000)	6.040.000.000	2.452.240.000.000
Trái phiếu phát hành dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 17.2)	-	1.135.000.000.000	-	-	1.135.000.000.000
Chi phí phát hành dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 17.2)	-	(27.112.127.754)	20.396.771.614	-	(6.715.356.140)
Vay đối tượng khác (*)	-	1.310.000.000.000	(1.310.000.000.000)	-	-
Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 23)	172.940.000.000	839.900.000.000	(140.000.000.000)	-	872.840.000.000
Dài hạn	1.122.642.872.246	(14.755.000.000)	(1.107.887.872.246)	-	-
Trái phiếu phát hành (Thuyết minh số 17.2)	1.135.000.000.000	-	(1.135.000.000.000)	-	-
Chi phí phát hành (Thuyết minh số 17.2)	(12.357.127.754)	(14.755.000.000)	27.112.127.754	-	-
TỔNG CỘNG	4.265.582.872.246	8.929.232.872.246	(8.747.491.100.632)	6.040.000.000	4.453.364.643.860

(*) Đây là các khoản vay có kỳ hạn dưới 1 tháng từ Công ty Cổ phần Đường Mặt Trời với lãi suất từ 4,0%/năm đến 10,5%/năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Công ty sử dụng khoản vay này để đầu tư trái phiếu chính phủ, chứng chỉ tiền gửi tại các tổ chức tín dụng (ngoại trừ cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp). Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm		Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
	Nguyên tệ (USD)	Giá trị (VND)			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch		990.000.000.000	Ngày 26 tháng 6 năm 2023	7,5	Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Thuyết minh số 5)
Ngân hàng Sumitomo Mitsui (SMBC) – Chi nhánh Singapore	20.000.000	472.240.000.000	Ngày 17 tháng 2 năm 2023	4,76 - 6,27	Tin chấp
TỔNG CỘNG		2.452.240.000.000			

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.2 Trái phiếu phát hành

Công ty đã thông qua Nghị quyết số 01-09/2018/NQ-HDQT của Hội đồng quản trị vào ngày 3 tháng 9 năm 2018 về việc phát hành trái phiếu với số lượng phát hành là 1.135 trái phiếu, mệnh giá 1.000.000.000 VND/trái phiếu, lãi suất 6,8%/năm, ngày đáo hạn là ngày 10 tháng 9 năm 2023. Đại lý phát hành và bảo lãnh là Credit Guarantee and Investment Facility (CGIF), là một quỹ tín thác của Ngân hàng Phát triển Châu Á. Chi tiết như sau:

Trái chủ	Số cuối năm			Hình thức đảm bảo
	Giá trị (VND)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	
Công ty TNHH Manulife Việt Nam	845.000.000.000	6,8	Ngày 10 tháng 9 năm 2023. Lãi trả hàng năm.	(*)
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA Việt Nam	170.000.000.000	6,8	Ngày 10 tháng 9 năm 2023. Lãi trả hàng năm.	(*)
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Hanwha Life Việt Nam	75.000.000.000	6,8	Ngày 10 tháng 9 năm 2023. Lãi trả hàng năm.	(*)
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Sun Life Việt Nam	45.000.000.000	6,8	Ngày 10 tháng 9 năm 2023. Lãi trả hàng năm.	(*)
TỔNG CỘNG	1.135.000.000.000			
Chi phí phát hành	(6.715.356.140)			
Giá trị thuần	1.128.284.643.860			

Trong đó:

Trái phiếu dài hạn đến hạn trả 1.128.284.643.860

(*) Công ty đã thế chấp 8.778.365 cổ phiếu niêm yết của một công ty con của Công ty và 9.388.862 cổ phiếu niêm yết của một công ty con khác của Công ty để làm tài sản đảm bảo cho khoản trái phiếu phát hành.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Năm trước	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
						Tổng cộng
Số đầu năm	2.163.585.800.000	904.770.143.351	(167.828.836.328)	11.513.798.268	119.124.835.761	3.031.165.741.052
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	34.280.570.568	34.280.570.568
Trích thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.230.000.000)	(2.230.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(104.447.375.000)	(104.447.375.000)
Số cuối năm	2.163.585.800.000	904.770.143.351	(167.828.836.328)	11.513.798.268	44.728.031.329	2.956.768.936.620
Năm nay						
Số đầu năm	2.163.585.800.000	904.770.143.351	(167.828.836.328)	11.513.798.268	44.728.031.329	2.956.768.936.620
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	25.901.838.807	25.901.838.807
Trích thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (*)	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Số cuối năm	2.163.585.800.000	904.770.143.351	(167.828.836.328)	11.513.798.268	63.629.870.136	2.975.670.775.427

(*) Việc trích thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát và quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01-04/2022/NQ-DHĐCĐ của Công ty ngày 26 tháng 4 năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu năm	2.163.585.800.000	2.163.585.800.000
Tăng trong năm	-	-
Số cuối năm	<u>2.163.585.800.000</u>	<u>2.163.585.800.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố		
<i>Cổ tức bằng tiền cho năm 2021: 500 VND/cổ phiếu</i>	-	104.447.375.000
Cổ tức, lợi nhuận đã trả	-	104.422.468.500

18.3 Cổ phiếu

	<i>Số lượng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ phiếu đã được duyệt	216.358.580	216.358.580
Cổ phiếu đã phát hành		
<i>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>		
Cổ phiếu phổ thông	216.358.580	216.358.580
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
Cổ phiếu phổ thông	(7.463.830)	(7.463.830)
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	208.894.750	208.894.750

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập từ cổ tức	146.267.203.949	35.113.460.000
Lãi tiền gửi	78.268.617.881	29.975.106.269
Thu nhập từ chứng chỉ tiền gửi	21.847.426.205	58.693.092.000
Lãi cho vay	24.835.473.119	31.047.266.239
Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư	17.556.457.500	123.120.000.000
Lãi chênh lệch tỉ giá đã thực hiện	319.036.769	-
TỔNG CỘNG	<u>289.094.215.423</u>	<u>277.948.924.508</u>

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	213.156.138.737	163.785.982.572
Lỗ chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	6.040.117.421	-
Trích lập dự phòng đầu tư dài hạn	1.964.167.092	26.524.944.908
Chi phí khác	1.414.644.737	7.197.414.290
TỔNG CỘNG	<u>222.575.067.987</u>	<u>197.508.341.770</u>

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.519.459.431	14.813.751.941
Chi phí nhân viên	14.117.753.447	16.484.586.211
Chi phí khấu hao (<i>Thuyết minh số 10</i>)	1.573.725.961	1.573.725.961
(Hoàn nhập)/trích lập chi phí dự phòng	(143.306.438)	4.106.424.207
Khác	576.764.745	792.849.969
TỔNG CỘNG	<u>40.644.397.146</u>	<u>37.771.338.289</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

22.1 Chi phí thuế TNDN

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	7.708.448.493
Điều chỉnh TNDN các năm trước	-	681.395.596
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
TỔNG CỘNG	-	8.389.844.089

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25.901.838.807	42.670.414.657
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	5.180.367.761	8.534.082.931
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí lãi vay không được khấu trừ	10.651.247.981	3.536.407.632
Chi phí không được khấu trừ	384.818.239	2.660.649.930
Điều chỉnh TNDN các năm trước	-	681.395.596
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Thu nhập từ cổ tức	(29.253.440.790)	(7.022.692.000)
Thuế hoãn lại phải trả chưa được ghi nhận do lỗ thuế	13.037.006.809	-
Chi phí thuế TNDN	-	8.389.844.089

22.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên lợi nhuận chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ kế toán khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

22.3 Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 (năm) năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 48.978.477.882. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đơn vị tính: VND		
			Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2022	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ vào ngày 31 tháng 12 năm 2022
2022	2027	(48.978.477.882)	-	-	(48.978.477.882)
TỔNG CỘNG		(48.978.477.882)	-	-	(48.978.477.882)

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho giai đoạn năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản lỗ lũy kế này do chưa dự tính được chắc chắn lợi nhuận chịu thuế trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và/hoặc có giao dịch trọng yếu trong kỳ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Pan Farm	Công ty con
Công ty PAN Food	Công ty con
Công ty FMC	Công ty con
Công ty BBC	Công ty con
Công ty ABT	Công ty con
Công ty LAF	Công ty con
Công ty 584NT	Công ty con
Công ty Golden Beans	Công ty con
Công ty PHJSC	Công ty con gián tiếp
Công ty Vinaseed	Công ty con gián tiếp
Công ty VFG	Công ty con gián tiếp
Công ty HSC	Công ty con gián tiếp
Công ty SSC	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty Vinarice	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Một thành viên Bibica Miền Đông	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Bibica Miền Bắc	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Một thành viên Bibica Hà Nội	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Một thành viên Bibica Biên Hòa	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Một thành viên Bibica Miền Tây	Công ty con gián tiếp
Công ty PAN FM	Công ty con gián tiếp
Công ty PAN CG	Công ty con gián tiếp
Công ty KAC	Công ty con gián tiếp
Công ty ABT High-Tech	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Cà Ná	Công ty con gián tiếp
Công ty VTC	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Đầu tư Atani Holdings	Công ty liên kết của công ty con
Công ty Cổ phần CSC Việt Nam	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt
Công ty TNHH Tư vấn NDH	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt
Công ty TNHH Bất động sản Sài Gòn Đan Linh	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt
Công ty Cổ phần Công nghệ sinh học Mùa Xuân	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Đầu tư NDH Việt Nam	Cổ đông lớn
Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị "HĐQT"
Bà Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT
Ông Phạm Việt Muôn	Thành viên HĐQT/Trưởng ban Kiểm toán nội bộ
Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên HĐQT/ Thành viên ban Kiểm toán nội bộ
Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT
Ông Bùi Xuân Tùng	Thành viên HĐQT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty PAN Farm	Công ty con	Cổ tức	49.995.000.000	-
		Cho vay	23.900.000.000	40.000.000.000
		Lãi cho vay	12.384.439.728	11.596.561.644
		Thu hồi gốc cho vay	176.900.000.000	194.000.000.000
Công ty PAN Food	Công ty con	Đi vay	839.900.000.000	247.940.000.000
		Chuyển nhượng cổ phiếu	501.837.505.000	734.313.373.500
		Lãi vay	30.679.298.633	1.123.923.288
		Trả gốc vay	115.000.000.000	100.000.000.000
		Cho vay	-	3.800.000.000
		Lãi cho vay	-	12.955.467.733
		Thu hồi gốc cho vay	-	514.640.000.000
Công ty LAF	Công ty con	Cho vay	50.000.000.000	-
		Thu hồi gốc cho vay	25.000.000.000	-
Công ty PAN CG	Công ty con	Cổ tức	26.997.300.000	-
		Đi vay	25.000.000.000	41.000.000.000
		Trả gốc vay	25.000.000.000	16.000.000.000
Công ty FMC	Công ty con	Cổ tức	49.369.356.000	35.113.460.000
		Góp vốn	-	164.132.200.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	Cổ đồng	Thu nhập từ CCTG	27.849.283.912	58.541.781.000
		Phí dịch vụ	2.374.085.486	7.125.956.303
		Lãi tiền gửi	4.014.781.450	2.581.341.122
Công ty ABT	Công ty con	Cổ tức (*)	18.012.058.000	-
Công ty 584NT	Công ty con	Cổ tức	8.463.691.800	-
Công ty BBC	Công ty con	Cổ tức	18.434.662.000	-
		Đi vay	-	20.000.000.000
		Trả gốc vay	-	20.000.000.000
Công ty Golden Beans	Công ty con	Đi vay	-	11.000.000.000
		Trả gốc vay	-	11.000.000.000
Công ty KAC	Công ty con	Cổ tức	4.900.000.000	-
		Góp vốn	-	100.000.000.000

Ngoài các giao dịch trên, trong tháng 1 năm 2022, Công ty đã thực hiện hoán đổi thành công 19.998.000 cổ phiếu của công ty PAN CG để lấy 3.331.573 cổ phiếu của công ty BBC như được trình bày tại Thuyết minh số 11.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Công ty vay, cho vay, bán hàng cũng như mua hàng, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2021: mức trích lập dự phòng bằng không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 8)</i>				
Công ty LAF	Công ty con	Cho vay	25.000.000.000	-
Công ty PAN Farm	Công ty con	Cho vay	-	153.000.000.000
TỔNG CỘNG			25.000.000.000	153.000.000.000

Chi tiết khoản cho vay như sau:

<i>Bên vay</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Công ty LAF	25.000.000.000	Ngày 28 tháng 2 năm 2023	9%	Tín chấp
<i>Phải thu khác (Thuyết minh số 9)</i>				
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	Cùng chủ tịch HĐQT	Lãi dự thu	209.632.045	-
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT	Đặt cọc thuê văn phòng	79.200.000	79.200.000
Công ty BBC	Công ty con gián tiếp	Chi hộ	39.900.000	143.377.500
Công ty PAN Farm	Công ty con	Lãi dự thu	-	7.711.301.370
Công ty ABT	Công ty con	Chi hộ	-	189.000.000
Công ty PAN FM	Công ty con gián tiếp	Chi hộ	-	51.187.500
Công ty PAN CG	Công ty con	Chi hộ	-	4.725.000
TỔNG CỘNG			328.732.045	8.178.791.370

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 12)				
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	Cùng chủ tịch HĐQT	Phí dịch vụ	1.128.128.000	-
Công ty TNHH Tư vấn NDH	Cùng chủ tịch HĐQT	Phí dịch vụ	207.900.000	207.900.000
			1.336.028.000	207.900.000
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 15)				
Công ty PAN Food	Công ty con	Phải trả lãi vay	28.987.331.511	389.676.713
Công ty PAN CG	Công ty con	Phải trả lãi vay	-	797.945.206
Ông Michael Sng Beng Hock	Thành viên HĐQT đến ngày 10 tháng 1 năm 2022	Thù lao	-	450.000.000
			28.987.331.511	1.637.621.919
Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 17)				
Công ty PAN Food	Công ty con	Gốc vay	872.840.000.000	147.940.000.000
Công ty PAN CG	Công ty con	Gốc vay	-	25.000.000.000
			872.840.000.000	172.940.000.000

Chi tiết khoản vay ngắn hạn như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
2101/2022/HĐTD/P ANFOOD-PAN PL2	500.900.000.000	Ngày 28 tháng 4 năm 2023	4%	Tin chấp
1605/2022/HĐTD/P ANFOOD-PAN PL2	159.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	4%	Tin chấp
3005/2022/HĐTD/P F-PAN PL2	170.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	4%	Tin chấp
10/2021/HĐTD/PF-PAN PL3	42.940.000.000	Ngày 30 tháng 4 năm 2023	4%	Tin chấp
TỔNG CỘNG	872.840.000.000			

Bên cạnh đó, như được trình bày tại Thuyết minh số 4, các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 thể hiện các khoản hợp đồng tiền gửi tại Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI - bên liên quan của Công ty và hưởng lãi suất từ 5,0%/năm đến 6,4%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 4,9%/năm đến 5,1%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Lương, thù lao và các chi phí khác của các thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc:

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Chức vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT	240.000.000	240.000.000
Bà Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch/ Tổng Giám đốc	5.696.119.231	7.935.542.308
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT	180.000.000	180.000.000
Ông Phạm Viết Muôn	Thành viên HĐQT/Trưởng ban Kiểm toán nội bộ	180.000.000	180.000.000
Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên HĐQT/ Thành viên ban Kiểm toán nội bộ	180.000.000	180.000.000
Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT	180.000.000	180.000.000
Ông Bùi Xuân Tùng	Thành viên HĐQT từ ngày 26 tháng 4 năm 2022	120.000.000	-
Ông Đặng Kim Sơn	Thành viên HĐQT đến ngày 26 tháng 4 năm 2022/ Thành viên ban Kiểm toán nội bộ	60.000.000	180.000.000
Ông Michael Sng Beng Hock	Thành viên HĐQT đến ngày 10 tháng 1 năm 2022	-	-
Ông Manabu Ueda	Thành viên HĐQT đến ngày 10 tháng 1 năm 2022	-	180.000.000
TỔNG CỘNG		<u>6.836.119.231</u>	<u>9.255.542.308</u>

24. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
		<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dưới 1 năm		<u>2.372.808.000</u>	<u>2.259.828.000</u>
TỔNG CỘNG		<u>2.372.808.000</u>	<u>2.259.828.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty



Trần Thị Trang
Người lập biểu



Văn Thị Ngọc Ánh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Trà My
Tổng Giám đốc

Long An, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2023



EY | Building a better working world

EY exists to build a better working world, helping to create long-term value for clients, people and society and build trust in the capital markets.

Enabled by data and technology, diverse EY teams in over 150 countries provide trust through assurance and help clients grow, transform and operate.

Working across assurance, consulting, law, strategy, tax and transactions, EY teams ask better questions to find new answers for the complex issues facing our world today.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2023 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn | ey.com/vi_vn